TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 30-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Nguyễn Hoài Phương.
- Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà:
Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thái T, sinh năm 1985 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; con ông Trần Duy P, sinh năm 1957 và bà Lữ Thị V, sinh năm 1961; vợ là Đặng Trần Hồng H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2013; tiền án: 01 tiền án về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị TAND huyện Đắk Glong xử phạt 06 tháng tù tại Bản án số: 51/2017/HS-ST ngày 07/11/2017; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù tại Bản án số: 42/2019/HS-PT ngày 13/6/2019 về tội "Trộm cắp tài sản", đang chấp hành án tại Trại giam Đ (huyện B, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị Nh, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Ngô Thị B, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/9/2018, Trần Thái T đi nhờ xe anh Nguyễn Đắc Trường đến Trường mầm non HM (thuộc thôn 3, xã Đắk Ha) để họp phụ huynh cho con; đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi họp phụ huynh xong T ngồi ở sân trường để chờ anh Trường đến chở về; khi thấy xe mô tô BKS 35K1 - 064.51 của chị Nguyễn Thị H1 dựng gần vị trí T ngồi và quan sát xung quanh không có ai nên T đã dắt xe ra cổng rồi ngồi lên xe thả dốc về phía hồ thôn 3, xã Đắk Ha. Sau đó T đấu dây điện ổ khóa rồi nổ máy điều khiển xe đến cửa hàng cầm đồ Anh Em ở thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn của anh Bùi Văn T1 cầm cố được số tiền 2.000.000 đồng; anh T1 không biết xe do T trộm cắp mà có; số tiền cầm cố xe T đã tiêu xài cá nhân.

Xe mô tô BKS 35K1 - 064.51 được đăng ký mang tên bà Đỗ Thị Nh (mẹ chị H1), bà Nh đã viết giấy tặng cho chị H1 nhưng chưa thực hiện thủ tục sang tên. Sau khi nhận cầm cố xe anh T1 đã cho người bạn tên D (không xác định rõ nhân thân lai lịch) mượn nhưng D chưa giao trả và không biết đi đâu nên không thu hồi được; trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ được: 01 BKS 35K1 - 064.51 được thu giữ khi khám xét nhà anh Bùi Văn T1.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 11/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Glong xác định chiếu xe mô tô BKS 35K1 - 064.51 trị giá 10.304.5963 đồng.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS, ngày 20/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã truy tố bị cáo Trần Thái T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thái T từ 12 tháng đến 18 tháng tù; buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 10.000.000 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 01 BKS 35K1 - 064.51

Trong quá trình điều tra, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo Trần Thái T đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Trần Thái T đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị của bị cáo là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/9/2018 tại Trường mầm non HM (thuộc thôn 3, xã Đắk Ha), Trần Thái T đã có hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 35K1 064.51 của chị Nguyễn Thị H1; giá trị của xe mô tô tại thời điểm trộm cắp là 10.034.593 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

..."

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội*" mà có lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo đồng thời ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

điều luật áp dụng và mức hình phạt; trách nhiệm dân sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6]. Đối với anh Bùi Văn T1 được bị cáo giao xe mô tô BKS 35K1 - 064.51 sau khi trộm cắp được, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh giữa bị cáo và anh T1 có thỏa thuận trước với nhau hoặc biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Lời khai của bị cáo và anh T1 có sự mâu thuẫn về mục đích của việc giao nhận xe (anh T1 cho rằng bị cáo chơi game tại quán hết 2.000.000 đồng không có tiền thanh toán nên cầm cố lại xe; bị cáo cho rằng bán xe cho anh T1 với giá 2.000.000 đồng); kết quả đối chất giữa bị cáo và anh T1 không chứng minh được việc mua bán xe giữa bị cáo và anh T1 nên không xem xét xử lý đối với 2.000.000 đồng theo trình bày của bị cáo.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Đối với xe mô tô BKS 35K1 - 064.51 không thu hồi được nên bị cáo phải bồi thường cho chị H1 giá trị của xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt; chị H1 yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Anh T1 trình bày trong thời gian cầm cố xe có đối tượng tên D (không xác định được nhân thân lai lịch) mượn xe đi nhưng sau đó không quay lại trả; bị cáo và anh T1 không yêu cầu bồi thường liên quan đến việc cầm cố và mượn xe nên không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 BKS 35K1 - 064.51 là của chị Nguyễn Thị H1 nên cần trả lại cho chị H1.

[9]. Về án phí: Bị cáo Trần Thái T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thái T phạm tội *"Trộm cắp tài sản* ".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thái T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù tại Bản án số: 42/2019/HS-PT ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2018.

2. Bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều Điều 584, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Thái T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 01 BKS 35K1 - 064.51. (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2019 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.)*

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thái T phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân